Ký bởi: Hội đồng Nhân dân tỉnh Lào Cai
Email: contact-hdnd@laocai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Lào Cai
Ngày ký: 22.06.2018 12:51:15 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /2018/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 21 tháng 6 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XV - KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính Phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 77/BC-KTNS ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 21/6/2018 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2018, thay thế Nghị quyết số 26/2012/NQ-HĐND ngày 14/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Lào Cai; Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Nguyễn Văn Vịnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02 /2018/NQ-HĐND ngày 21/6/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

b) Các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Cơ quan tài chính các cấp thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý tài sản công theo thẩm quyền được phân cấp;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công nhằm bảo đảm việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; phù hợp với quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với thực tế yêu cầu công tác quản lý, sử dụng tài sản công hiện nay của tỉnh Lào Cai; tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành cũng như các cơ quan, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Tài sản công phải được đầu tư, trang bị theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản nhà nước phải quản lý sử dụng tài sản theo đúng chế độ hiện hành và nội dung Quy định này; thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công đồng thời phải đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với xe ô tô, tàu, thuyền các loại, tài sản khác có giá trị (nguyên giá) từ 500 triệu/01 đơn vị tài sản trở lên. Riêng đối với xe ô tô chuyên dùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ văn bản thỏa thuận giữa Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô để ban hành quyết định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (trừ các đơn vị trực thuộc các sở, ngành được phân cấp quản lý tài chính theo ngành và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định mua sắm đối với tài sản có giá trị đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ xe ô tô, tàu, thuyền các loại).

Trường hợp cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí từ các Quỹ trong đơn vị sự nghiệp, kinh phí tiết kiệm của cơ quan quản lý nhà nước, các hội đoàn thể để mua sắm tài sản thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định sau khi có văn bản thống nhất của cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản của các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện và cấp xã, có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ xe ô tô, tàu, thuyền các loại).

4. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc các sở, ngành cấp tỉnh được phân cấp quản lý tài chính theo ngành (trừ quy định tại Khoản 5 Điều này); Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán ngân sách huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ xe ô tô, tàu, thuyền các loại).

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị, sau khi có văn bản thống nhất của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ công tác quyết định thuê tài sản hoặc gói dịch vụ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh có giá trị tiền thuê từ 100 triệu đồng/lần trở lên theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ công tác trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm quyết định thuê tài sản hoặc gói dịch vụ đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị tiền thuê dưới 100 triệu đồng/lần.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị. Trường hợp thuê tài sản hoặc gói dịch vụ có giá trị từ 100 triệu đồng/lần trở lên phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thu hồi của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản khác thuộc phạm vi huyện quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thu hồi của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản thuộc quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan đơn vị cấp tỉnh; tài sản giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh với cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố thuộc tỉnh (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định điều chuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc tỉnh Lào Cai quản lý và tài sản thuộc quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 4 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 4 Điều này).

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản đối với:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên;

b) Tài sản thuộc quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác của các cơ quan nhà nước, tổ chức hội đoàn thể cấp tỉnh có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng đơn vị quy định tại Khoản 3, Khoản 8 Điều này).

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I ngân sách tỉnh đã phân cấp quản lý tài chính theo ngành (không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều này) quyết định thanh lý đối với tài sản của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tàu thuyền các loại) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, tổ chức hội đoàn thể thuộc tỉnh (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này) quyết định thanh lý đối với tài sản có nguyên giá đến dưới 100 triệu đồng/01 tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tàu thuyền các loại) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn

vị tài sản (trừ xe ô tô, tàu thuyền các loại và tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng đơn vị quy định tại Khoản 8 Điều này).

Trường hợp thanh lý tài sản trên đất, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất (đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu giá quyền thuê đất) phải lập phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện.

6. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quyết định thanh lý đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có nguyên giá từ 30 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tàu thuyền các loại và tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng đơn vị quy định tại Khoản 8 Điều này).

7. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện quyết định thanh lý đối với tài sản có nguyên giá đến dưới 30 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tàu thuyền các loại) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

8. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản khác (trừ tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tàu thuyền các loại, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản khác có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh).

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý khi dự án kết thúc:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

- Phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc tỉnh quản lý;

- Phương án xử lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tàu, thuyền, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên phục vụ hoạt động của dự án thuộc cấp huyện quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc quyền quản lý, trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là kết quả của dự án thuộc địa phương quản lý.

a) Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án, mà đối tượng thụ hưởng kết quả dự án đã được xác định cụ thể trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không phải trình phê duyệt lại phương án xử lý tài sản. Ban Quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng để đưa vào khai thác, sử dụng theo mục tiêu dự án;

b) Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án, mà trong nội dung dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng thì thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc di tích lịch sử - văn hóa; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam để chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bất động sản (bao gồm cả di tích lịch sử - văn hóa); động sản thuộc di tích lịch sử - văn hóa; tài sản là xe ô tô, tàu, thuyền các loại, các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh);

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, gồm: các tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và gói tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức quyết định điều chuyển tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

c) Thủ trưởng cơ quan đơn vị ra quyết định tịch thu quyết định phương án xử lý đối với tài sản còn lại không thuộc quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, cổ vật, bảo vật quốc gia, tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản:

- Bất động sản, xe ô tô, tàu, thuyền các loại;

- Tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản khác có giá trị đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh chuyển giao;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản khác (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh) có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện chuyển giao;

d) Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản khác có giá trị đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện chuyển giao.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc di tích lịch sử - văn hoá; bất động sản vô chủ, bất động sản không có người thừa kế;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản vô chủ, bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản không có người thừa kế thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

4. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của quỹ bị giải thể, cấp có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, Tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Điều 11 Quy định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Vịnh